



TẬP TỤC TRONG SINH ĐẼ Ở NG-ỒI M-ỜNG, HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH

NGUYỄN THỊ SONG HÀ

Ng-ời M-ờng là c- dân sinh sống lâu đời của tỉnh Hòa Bình, tập trung ở bốn m- ờng lớn là: Bì, Vang, Thàng, Động. Kim Bôi là một huyện miền núi thuộc tỉnh này, nằm trên địa bàn chuyển tiếp giữa miền núi Tây Bắc và đồng bằng Bắc Bộ, có 35 xã và 2 thị trấn, dân số là: 132.222 ng-ời (tính đến ngày 31/12/2000), gồm 8 dân tộc M- ờng, Kinh, Dao, Tày, Hoa..., trong đó, dân tộc M- ờng chiếm 70 %. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến những tập tục liên quan đến sinh đẻ của ng-ời M- ờng ở huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

1. Quan niệm về sinh đẻ

Quan niệm truyền thống của ng-ời M- ờng là “đồng con đồng cửa”, đồng con là nhà có phúc, bởi con cái là nguồn lao động, là nơi n- ơng tựa lúc về già. Vì thế, trai gái sau khi xây dựng gia đình thì việc có con là điều mong - ớc không chỉ của đôi vợ chồng trẻ mà còn cả của bố mẹ hai bên gia đình và của họ hàng.

Ng-ời M- ờng quan niệm rằng những đôi vợ chồng không có con là do ăn ở thiếu nhân đức hoặc kiếp tr- ớc làm nhiều điều ác nên đến kiếp này bị m- ờng Trời trừng phạt. Những ng-ời phụ nữ không sinh đ- ợc con th- ờng bị xã hội chê c- ỏi, gia đình dòng họ nhà chồng khinh rẻ, bạc đãi. Những đôi vợ chồng không có con th- ờng lo lắng phải sống trong cô đơn, bởi sẽ không có ai trông nom khi tuổi già, sức yếu.

Ng-ời M- ờng luôn mong muốn có con trai đầu lòng để nối dõi tông đ- ờng. Nếu gia đình nào sinh toàn con gái thì họ phải tiếp tục đẻ để kiếm con trai, nếu không có con trai thì phải lấy

re đời để có ng-ời h- ơng khói, và họ th- ờng chọn re đời là con của gia đình đồng con trai.

2. Các tập quán, nghi lễ liên quan đến việc bảo vệ thai nhi

Việc sinh đẻ của ng-ời M- ờng ở huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình do mỗi gia đình tự lo liệu. Tất cả mọi khâu từ khi thai nghén, chăm sóc thai nhi ... đến lúc sinh đẻ, ng-ời phụ nữ đều luôn nhận đ- ợc sự giúp đỡ của chồng và gia đình nhà chồng. Các bậc cha mẹ, đặc biệt là mẹ chồng th- ờng là ng-ời có trách nhiệm và quan tâm nhất. Mẹ chồng chỉ bảo con dâu và con trai những kinh nghiệm trong việc bảo vệ thai nhi, mách bảo các loại thuốc nam, re cây rừng cùng các tập quán, nghi lễ liên quan đến sinh đẻ.

Trong suốt thời kỳ mang thai, ng-ời phụ nữ vẫn tiến hành các công việc lao động sản xuất bình th- ờng, chỉ trong các ngày cảm thấy mệt mỏi họ mới nghỉ ở nhà làm các công việc nhẹ. Theo quan niệm của đồng bào thì chính các hoạt động lao động hàng ngày sẽ làm cho ng-ời phụ nữ dễ dàng hơn và giảm bớt những suy nghĩ, lo lắng về vị thế trong xã hội trong thời kỳ sinh đẻ. Tuy nhiên, những ng-ời phụ nữ có thai cũng đ- ợc giảm bớt công việc nặng nhọc. Ng-ời M- ờng cho rằng nhiều phụ nữ khi có chửa, đặc biệt là chửa con đầu lòng th- ờng có cảm giác xấu hổ, ngại giao tiếp với ng-ời ngoài nên họ th- ờng đ- ợc gia đình bố trí cho làm các công việc nhẹ trong gia đình, hạn chế tham gia các công việc ở những nơi đông ng-ời. Có thể nói đây là một đặc điểm chung không chỉ có ở ng-ời M- ờng mà còn ở các dân tộc khác ở vùng nông thôn miền núi.

Trong thời kỳ mang thai ng-ời phụ nữ kiêng không làm các việc quá sức, không đ-ọc với tay quá cao; phải luôn luôn vui vẻ, tránh nóng giận và tránh xa các cảnh t-ợng hãi hùng. Lúc mang thai, ng-ời phụ nữ kiêng tắm bồn vì sợ thai to khó đẻ; kiêng không đi ăn c-ới; không đi đám ma vì sợ dẫm vào vỏ cây đóng quan tài sẽ bị sẩy thai hoặc sau này đẻ con sẽ bị *reng*, tức bị phì n-ớc dãi; kiêng không b-ớc qua dây thừng buộc trâu và kiêng ngồi vào cày, bừa vì sợ đẻ con già tháng; kiêng không ngồi vào chày giã gạo vì sợ sau này đứa trẻ sẽ b-ớng bình; kiêng không đánh rần vì sợ sau này l-õi đứa trẻ luôn bị thè ra... Đối với những phụ nữ dạ con bị nông, họ phải kiêng không đ-ọc làm việc gì quá mạnh và không đ-ọc đứng lên ngồi xuống nhiều...

Về ăn uống, ng-ời M-ờng không cho phụ nữ mang thai ăn một số loại thức ăn nh- hai quả dính nhau vì sợ đẻ sinh đôi; không ăn thịt các con vật bị chết vì lo sau khi sinh sản phụ bị thiếu máu; không ăn ốc vì sợ con nhiều dãi dốt và đẻ dầy; không ăn cá n-ớng và cá nấu canh vì sợ đẻ con khó ra nhau thai; kiêng uống n-ớc đựng trong ống b-ong đã chặt vát đầu bởi sợ sau này con sẽ sút môi; kiêng ăn thịt chó, thịt trâu vì sợ da con sau này sẽ giống da chó, da trâu; kiêng ăn thịt vịt đục vì sợ đẻ ra đứa con trai đa tình; kiêng không ăn rau bí vì rau bí có nhiều tay, sợ độc và đứa con sau này hay bị bệnh sài...

Trong xã hội M-ờng, ng-ời phụ nữ mang thai không đ-ọc tham gia vào các lễ hội của xóm làng cũng nh- các nghi lễ tôn giáo khác. Ng-ời M-ờng cho rằng thời kỳ mang thai thân thể của ng-ời phụ nữ không đ-ọc sạch sẽ và nếu họ đến đó thần linh sẽ không phù hộ cho dân làng. Khi vợ mang thai, ng-ời chồng cũng phải tuân thủ một số điều kiêng kị nhất định nh- không đ-ọc khiêng quan tài; không đ-ọc lợp nóc nhà. Vào những tháng sắp đẻ, ng-ời phụ nữ mang thai th-ờng làm những việc vặt ở quanh nhà, tự chuẩn bị váy áo, đồ dùng cho bản thân khi sinh đẻ, may sắm quần áo, tã lót cho đứa con sắp chào đời.

Đối với những thai phụ hay bị mệt mỏi và đau ốm, ng-ời ta th-ờng động viên, cho uống thuốc nam hoặc mời bà đồng, thầy cúng tới cúng chữa

bệnh. Chẳng hạn những thai phụ bị đau bụng, ng-ời ta tìm những thứ cây nh- lá *cây kéo*, *cây bầu*, *lá có*, *lá húng*, *lá ca vàng*, *lá chanh*, đem vò t-ơi và lọc lấy n-ớc cho thai phụ uống ba hớp, sau đó lấy khăn nhúng vào chỗ n-ớc còn lại rồi vuốt từ trên ngực xuống bụng thai phụ. Đối với những ng-ời có thai ba đến bốn tháng mà bị động thai hoặc đã nhiều lần sẩy thai, đẻ non, ng-ời ta th-ờng mời bà lang đến làm n-ớc chữa trị, bởi theo họ đó là do con hùm, con vua thủy tề muốn ăn thịt đứa trẻ. Nếu bị nặng hơn, ng-ời ta phải nhờ thầy cúng, bà đồng đến tổ chức cúng ma, cúng tổ tiên, cúng bà mẹ cầu mong cho bà mẹ và thai nhi đ-ọc khỏe mạnh.

3. Các tập quán, nghi lễ liên quan đến sinh đẻ

Phụ nữ M-ờng ở huyện Kim Bôi th-ờng đẻ ngồi và đẻ trong nhà của mình. Ng-ời M-ờng cho rằng, con gái đã đi lấy chồng là con ng-ời ta, vì vậy cháu ngoại đã mang dòng máu khác, nếu đẻ máu rơi trong nhà sẽ mang lại nhiều điều rủi ro. Vì vậy, đã là phận gái lấy chồng thì phải đẻ ở nhà chồng; nếu cô gái nào đến kỳ sinh nở về thăm bố mẹ đẻ mà trở dạ thì cô ta phải đẻ d-ới sàn nhà. Chỉ trong tr-ờng hợp lấy chồng về ở rể, con gái mới đ-ọc sinh đẻ ở nhà bố mẹ đẻ. Ng-ời M-ờng kiêng không cho ng-ời lạ đẻ tại nhà mình bởi cho rằng nh- thế là điềm xúi quẩy. Theo tục lệ, khi thấy sản phụ đau bụng trở dạ, mọi công việc trong gia đình phải ngừng lại và tất cả mọi thành viên trong gia đình đều có trách nhiệm giúp đỡ sản phụ nh- thu dọn chỗ đẻ sản phụ đẻ, nhóm bếp, đun n-ớc, chuẩn bị dụng cụ cắt rốn cho đứa trẻ, đi gọi ng-ời đỡ... Chỗ đẻ của sản phụ là ở cạnh bếp (bếp riêng trong buồng của hai vợ chồng). Ng-ời ta đốt một đồng lửa và có thể lửa đ-ọc giữ liên tục trong một tháng sau khi sản phụ đẻ. Ng-ời M-ờng cho rằng hơi ấm của lửa sẽ làm cho máu của sản phụ dễ l-u thông, không bị đau l-ng, phòng tránh bệnh phong hàn, giúp da sản phụ hồng hào, mau hồi sức sau khi sinh... Đồng thời lửa còn có tác dụng hơi nóng tã lót, xua đuổi côn trùng, đặc biệt là đuổi các hủn, vĩa xấu, ma làm hại. Khi đẻ, sản phụ th-ờng ngồi trên một cái ghế hoặc một cái bao trong đó có đựng quần áo cũ hoặc chân cũ, hai tay bám vào

một sợi dây buộc từ trên quá giang nhà thông xuống do ng-ời chồng chuẩn bị từ tr-ớc. Đỡ đẻ cho sản phụ th-ờng là mẹ chồng hoặc bà đỡ. Khi sản phụ đang đẻ bố chồng và anh em trai chồng không đ-ợc đến gần chỗ đó vì sợ ng-ời đẻ xấu hổ, sẽ khó đẻ. Phụ nữ đang có thai hoặc ch- a sinh con lần nào cũng kiêng không đến chỗ ng-ời đẻ, bởi đồng bào quan niệm rằng những ng-ời này tiếp xúc với ng-ời đẻ thì tạo cho họ tâm lý sợ sệt, làm cho khó đẻ.

Gặp tr-ờng hợp khó đẻ, ng-ời ta mới nhờ đến ng-ời giỏi đỡ đẻ trong làng hoặc mời bà lang đến giúp đỡ. Bà lang sẽ chế biến một loại n-ớc cho sản phụ uống. Để có thứ n-ớc này, bà lấy 3 lát gừng cùng với lá húng, lá ca vàng, lá cây bầu, lá có, lá cây kéo đem vò hoặc giã nhỏ rồi hoà với n-ớc (khoảng 1 chai). Sau đó, bà lấy n-ớc này cho sản phụ uống ba hớp và vuốt từ trên ngực xuống bụng từ từ để kích thích sản phụ đẻ nhanh hơn. Vừa vuốt cho sản phụ bà lang vừa hát nhỏ: *Con tôi cha tr-ờng trẻ nòng, rộng đ-ờng rộng thá cho con tôi ra, tha cho l-ới cho lành, cho con hơ tha. Đàn ông thì ra mà nhận dầm cả, đàn bà thì ra mà nhận bả chùng, tung ra cho dễ cáy, ra vậy con* (Dịch nghĩa: con tôi trẻ ng-ời non dạ, xin mở rộng đ-ờng, rộng xá cho con tôi đ-ợc ra đời. Nếu là con trai thì ra mà nhận dầm cả, nếu là con gái thì ra mà nhận màn chùng. Con ơi ra nhanh lên con). Tất cả các nghi lễ, thủ thuật và kinh nghiệm đ-ợc sử dụng khi phụ nữ sinh đẻ nhằm mục đích làm sao cho được “mẹ tròn con vuông”, tạo tâm lý tự tin cho sản phụ và cho những ng-ời giúp sản phụ đẻ. Tuy nhiên phần lớn các nghi lễ, thủ thuật đều có màu sắc mê tín, ít có tác dụng đến việc cứu chữa. Tr-ớc đây ch- a có mạng l-ới y tế, khi thực hiện hết các khả năng cứu chữa mà sản phụ vẫn ch- a đẻ đ-ợc thì họ chỉ biết trông chờ vào số mệnh. Vì thế đẻ nhiều nh-ng chết cũng nhiều là hiện t-ợng phổ biến. Ngày nay, do có mạng l-ới y tế ở cấp xã và huyện nên gặp tr-ờng hợp khó đẻ ng-ời ta th-ờng đem sản phụ đến trạm xá, bệnh viện để can thiệp.

Khi đứa trẻ vừa lọt lòng, ng-ời ta dùng thanh nứa làm dao để cắt rốn. Thanh nứa này đ-ợc lấy

từ chiếc rui trên mái nhà. Nếu đẻ con trai thì dao nứa đ-ợc lấy từ chiếc rui ở mái tr-ớc; nếu là con gái bếp ở mái sau. Sở dĩ có sự khác biệt nh- vậy là do trong sinh hoạt th-ờng ngày, gian dềng tr-ớc chỉ dành riêng cho nam giới, còn gian dềng sau th-ờng là dành cho phụ nữ. Để cắt rốn, ng-ời ta đo rốn theo chiều dài từ đầu rốn ở bụng xuống khoảng 5 cm, sau đó lấy đoạn chỉ buộc ở ba chỗ: một chỗ ngay sát đầu rốn, một ở chỗ mới cắt, tiếp theo buộc thêm một đoạn giữa hai đầu rốn đã buộc. Khi cắt rốn xong, thanh nứa lại đ-ợc giặt lên mái nhà. Đứa bé đ-ợc bà đỡ tắm rửa sạch sẽ bằng n-ớc lá cây đun sôi đủ ấm, sau đó đ-ợc đặt vào trong một cái nia có lót một tàu lá chuối đã hơ qua lửa (*rùng cúm*). Trẻ sơ sinh nếu là gái, ng-ời nhà lấy hông đồ xôi bằng gỗ, nếu là con trai - lấy cái chài đánh cá cũ và đập nhẹ xuống sàn nhà, miệng nói: *Hỡi con gái dậy mà kéo tơ, chẵn tầm, dẹt vải /Hỡi con trai dậy mà đi kéo chài kiếm cá*. Họ gọi và đập nh- thể vài ba lần, chờ khi đứa trẻ khóc to lên, mới đỡ dậy, mặc áo, quần tã.

Sản phụ đẻ xong đ-ợc tắm rửa sạch sẽ ngay bằng n-ớc nấu với lá thuốc và s-ởi lửa nhằm chống hậu sản, điều kinh, bổ máu, chống đau bụng; giúp cho sản phụ phục hồi sức khỏe mau chóng sau khi sinh. Khi sản phụ đẻ xong, bà đỡ lấy nhau thai rửa sạch cho vào một cái giỏ, hoặc một chiếc ống b-ong đậy kín đ- a cho bố đứa trẻ hay ng-ời thân trong gia đình mang chôn ở chỗ rửa chân gần cầu thang tr-ớc khi vào nhà hoặc treo lên một cành cây ở trong rừng nơi ít có ng-ời qua lại. Khi chôn, ống b-ong phải đ-ợc dựng đứng, không đ-ợc đặt nằm ngang hoặc để lệch; còn nếu treo lên trên cành cây thì không đ-ợc treo quá cao. Lúc đem nhau thai đi cũng nh- khi quay về, ng-ời thực hiện không đ-ợc nhìn ngang hoặc ngoái đầu lại, tránh gặp ng-ời lạ, không cho ai biết việc mình đang làm, không đ-ợc tạt ngang và phải làm một mạch cho xong. Khi cuống rốn rụng, ng-ời ta đem gài lên mái gianh ngay chỗ cầu thang.

Sản phụ nào đẻ con vào ngày giữa tháng, gia đình sản phụ phải đặt một con dao ở đầu gi-ờng; trong nhà không đ-ợc đốt đèn sáng để tránh cho

sản phụ không mê sảng, để những con ma xấu sợ, không thấy đ-ờng vào nhà hại đứa trẻ và sản phụ. Còn sản phụ nào trở dạ sinh con vào ngày ông bà mất, ngày cơm mới, gia đình phải làm một mâm cơm có gà, xôi và cá để cúng trình báo tổ tiên.

Theo tập quán, khi sinh con đầu lòng ng-ời phụ nữ phải nằm cạnh bếp khoảng 40 ngày, con thứ hai có thể ít hơn, con thứ ba nằm cạnh bếp 15 — 20 ngày và phải kiêng rất nhiều trong ăn, uống. N-ớc uống dùng cho sản phụ là n-ớc nấu hỗn hợp các loại cây thuốc, chủ yếu lấy ở quanh nhà hoặc trong rừng nh- lá cây *giềng*, rễ cây *bông báo*, *cây bang*, vỏ *b[ở]i đào*, vỏ cây *bùi*, rễ *cỏ ngải*... đem đun sôi uống dần. Theo nhận thức của đồng bào, trong tháng ở cũ, sản phụ uống n-ớc nấu với các vị thuốc này có tác dụng giúp sản phụ mau chóng hồi sức, bổ máu, tiêu máu độc ở dạ con, chóng hết sản dịch, tăng c-ờng sữa, đồng thời qua sữa mẹ chóng các bệnh sài ở trẻ sơ sinh. Để tránh nhiễm một số bệnh cũng nh- để da sản phụ hồng hào trở lại, ng-ời ta dùng lá *cây máu* đun thành n-ớc tắm, gọi cho cả mẹ lẫn con. Thời gian tắm n-ớc lá máu khoảng 9 đến 10 ngày, mỗi ngày hai lần. Thời gian ở cũ của ng-ời M-ờng là 7 (sinh con trai) hoặc 9 (sinh con gái). Đứa trẻ ra đời đủ thời gian đó gọi là đầy cũ. Tuy nhiên thời gian đầy cũ của đứa trẻ ở một số vùng M-ờng có sự khác nhau. Chẳng hạn, ở xóm Cháo I (xã Kim Tiến, huyện Kim Bôi) thời gian ở cũ khi sinh con đầu lòng là từ 10 ngày trở lên; còn với đứa thứ hai, thời gian ở cũ chỉ là 8 ngày, bởi ng-ời ta quan niệm thời gian ở cũ nếu bằng nhau thì anh em trong nhà hay cãi vã, không có tôn ti trật tự.

Khi đứa trẻ sinh đ-ợc 3 ngày, gia đình phải làm một mâm cơm có trứng, thịt cho trẻ *đi chặn trâu*. Bố đứa trẻ bế con ra khỏi buồng để đi ra phía cửa (bé trai ra cửa *voóng* bên ngoài, bé gái ra cửa *voóng* bên trong), đặt đứa bé nằm xuống và nói: “Hôm nay cho trẻ đi chặn trâu để lớn lên trẻ biết làm việc giúp đỡ bố mẹ” (“đi lên rừng chặt cây, kiếm củi” — nếu là con trai; “đi giã gạo, hái măng, dệt vải” — nếu là con gái)... Sau

khi nói xong, ng-ời bố lại bế đứa trẻ vào và đặt nó nằm cạnh sản phụ.

Hết thời gian cũ, ng-ời ta làm *lễ thả ỏ* nhằm tạ ơn vua bếp và cúng các bà mẹ. Lễ vật cúng vua bếp là một con lợn nhỏ, còn cúng bà mẹ có 7 hoặc 9 bát n-ớc thuốc. Số l-ợng bát n-ớc thuốc phụ thuộc vào sản phụ sinh con trai hay con gái. Sau lễ cúng, sản phụ uống mỗi bát một ít n-ớc thuốc để cầu mong cho con mình khỏe mạnh.

Về ăn uống, thức ăn chủ yếu của sản phụ là cơm lam và muối n-óng. Với những gia đình khá giả, sản phụ đ-ợc ăn cơm với thịt lợn nạc, thịt gà luộc xé nhỏ rồi kho cùng với nghệ và gừng. Trong thời gian ở cũ, sản phụ đ-ợc ăn nhiều cơm nếp, đậu t-ong hầm với thịt gà, trứng gà nấu với nghệ, gừng... Ngoài ra có thể ăn thêm các món nấu canh nh- ngải cứu, đu đủ xanh, quả bầu non ... để cho nhiều sữa. Một số nơi, ng-ời ta kiêng không cho sản phụ ăn những thức ăn nguội, các loại rau nhiều n-ớc nh- rau cải, ngọn bí, quả m-ốp...; không ăn các thứ chua nh- chanh, d-á chua, hạt dổi và một số thức ăn khác nh- thịt trâu, l-ơn, vịt, ngan, mỡ lợn; kiêng một số loại cá (chuối, trê, trạch) và thủy sản (ốc, hến, tôm) vì sợ lạnh. Họ còn cho rằng các loại thức ăn trên sẽ làm rã thuốc, sữa mẹ không tốt và nh- vậy, sẽ ảnh h-ởng xấu đến sức khỏe của đứa trẻ (gây ra kém bú, ngủ ít, tiêu chảy, còi cọc...). Họ ít uống n-ớc chè, n-ớc lã đun sôi để nguội mà uống n-ớc đun với các thứ cây có vị chát, ngọt có tác dụng ngăn tiêu chảy, bồi bổ cơ thể, kích thích ăn ngon miệng. Với những sản phụ thiếu sữa, họ cho ăn nhiều cơm nếp, uống n-ớc nấu với các loại cây thuốc nh- rễ bông báo, củ riềng; uống n-ớc quả sung, cây dây leo - cây chè voi hoặc lấy lá đu đủ cho vào cối giã nhỏ với muối, sau đó đốt khô, để nguội, trộn với cơm nếp cho sản phụ ăn. Theo đồng bào làm theo cách này sẽ giúp sản phụ có nhiều sữa và sữa xuống nhanh hơn.

Khi trong nhà có ng-ời ở cũ, ng-ời M-ờng làm dấu hiệu báo từ lúc đi chôn nhau thai về để ng-ời lạ biết và không vào nhà. Vật báo hiệu th-ờng là cành lá xanh đ-ợc buộc ở cạnh cổng ra vào. Thật ra, ngoài việc báo cho ng-ời ngoài biết trong nhà có ng-ời ở cũ, việc làm này còn nhằm

báo cho các vị thần linh và bà mẹ biết mà phù hộ cho sản phụ và đứa trẻ. Theo quan niệm của đồng bào, dấu hiệu cấm cử ấy còn có ý nghĩa ngăn không cho các loại ma quỷ xấu vào nhà quấy đứa trẻ. Tuy nhiên, ng-ời M-ờng không quan tâm nhiều đến việc ng-ời lạ vào nhà mà chỉ ngại ng-ời lạ vào buồng sản phụ, vì sợ rằng ng-ời lạ có vía độc hay các bệnh tật, ảnh h-ởng xấu đến đứa trẻ, sợ “hồn đứa trẻ đi theo khách”. Với quan niệm sinh đẻ là điềm dữ, ng-ời phụ nữ và trẻ sơ sinh không đ-ợc sạch sẽ nên ng-ời ngoài gia đình, nhất là các thầy cúng, thầy mo và những ng-ời chuẩn bị làm những nghi lễ long trọng không muốn vào thăm những ng-ời đang ở cữ bởi sợ ảnh h-ởng đến công việc. Trong những ngày ở cữ sản phụ không đ-ợc đến những nơi thờ cúng trong nhà, nơi ủ và nấu r-ợu; không hái rau, hái quả; không đ-ợc tham gia vào lễ hội của làng.

Trong 3 ngày đầu của thời gian ở cữ - tức khi đứa trẻ mới sinh ch-a đ-ợc đặt tên, là thời gian phải kiêng kỵ ngặt nghèo nhất. Vì thế, th-ờng sau khi sinh 3 ngày, ng-ời trong họ mới tới thăm sản phụ; còn với dân làng thì phải sau 7 ngày. Những ng-ời đến thăm th-ờng đem theo con gà hay chân giò, vài bò gạo nếp, ít bánh kẹo để chúc mừng sản phụ đã “vượt cạn”, “mẹ tròn con vuông”, chúc đứa trẻ hay ăn chóng lớn. Người M-ờng có một số kiêng kỵ đối với ng-ời đến thăm sản phụ và đứa trẻ: những ng-ời bị coi là ng-ời *nặng vía*, hay đang có kinh không đ-ợc đến thăm trẻ nhỏ vì theo họ sẽ làm đứa trẻ khóc đêm; những ng-ời mới có tang cũng không đ-ợc đến vì sợ đem nhiều điều rủi ro đến cho đứa trẻ. Nếu ng-ời nào đến thăm để đứa trẻ khóc nhiều, ng-ời ta phải làm *đánh bốn*, tức phải lấy muối rắc vãi xung quanh nhà để đuổi ma xấu đã theo ng-ời lạ vào làm hại đứa trẻ.

Trong thời gian ở cữ và nuôi con bú, nếu bị ốm, sản phụ chỉ đ-ợc uống thuốc lá cây thông th-ờng, ăn cơm hoặc cháo cùng thức ăn nh- lúc sinh đẻ. Việc chữa bệnh cho sản phụ bị ốm phổ biến là dùng các loại thuốc lá đun với n-ớc để rửa chỗ đau, tắm gội, xoa bóp ... Kết hợp với việc

chữa chạy bằng thuốc lá, lễ cúng khá phổ biến - th-ờng là cúng ma tổ tiên, các loại ma đ-ợc nghi là thủ phạm gây bệnh. Suốt thời gian sản phụ ốm ng-ời ta vẫn để đứa trẻ nằm bên cạnh nh- ng có sự túc trực của các thành viên trong gia đình. Tr-ờng hợp sản phụ ốm không thể cho con bú, ng-ời ta bế đứa trẻ đi xin sữa của các bà mẹ trong làng.

*
* *
*

Qua trình bày trên đây cho thấy, với ng-ời M-ờng ở huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình, quá trình mang thai và sinh đẻ của sản phụ liên quan đến rất nhiều kiêng kỵ và lễ nghi, với mục đích bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh. Tuy một số kiêng kỵ và lễ nghi còn mang tính chất mê tín, song nhìn chung, đó là biểu hiện của cung cách ứng xử của ng-ời M-ờng ở đây với môi tr-ờng tự nhiên và xã hội. Những tập tục trong sinh đẻ cũng chính là biểu hiện tri thức dân gian của ng-ời M-ờng về lĩnh vực này. Qua đó, chúng ta vẫn có thể tìm thấy những yếu tố tích cực để đóng góp cho công cuộc chăm sóc sức khoẻ cộng đồng của ng-ời dân hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Chí. *Văn hóa ẩm thực dân gian M-ờng*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 2001
2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kim Bôi. *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Bôi (1930 —2000)*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2001
3. Nguyễn Thị Thanh Nga, Nguyễn Ngọc Thanh. *Ng-ời M-ờng ở Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình*, Nxb Văn hóa Thông tin, 2003.
4. Nguyễn Ngọc Thanh. *Tục lệ sinh đẻ và nuôi con ở ng-ời M-ờng huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ*, Tạp chí Dân tộc học, số 3, 1997.
5. Nguyễn Ngọc Thanh. *Gia đình và hôn nhân của ng-ời M-ờng tỉnh Phú Thọ*, luận án tiến sĩ sử học, chuyên ngành dân tộc học, 1999.
6. Jean Cussinier. *Ng-ời M-ờng (địa lý nhân văn và xã hội học)*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1995.